TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Em
2. Bà Trần Thị Kim Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đạc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2022 về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q, Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Phan Châu N, Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ông Q có mặt, bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Lê Văn Q trình bày: Ông và Bà Phan Châu N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 2014, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre ngày 06/02/2014, theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014 của UBND xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xãy ra mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Như Y, sinh

ngày 09/9/2014. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn Ông Lê Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn Q yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Phan Châu Ngân

- Về con chung: Sau khi ly hôn, Ông Q đề nghị giao cháu Y cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà N 7.000.000 đồng/tháng cho tới khi cháu Y đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải và tiến hành niêm yết hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ông Lê Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn Bà Phan Châu N. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn Bà Phan Châu N có địa chỉ tại Thôn S, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn Bà Phan Châu N tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, bà N đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà N tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N.

[3] Đối với việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc: Trong vụ án này, Tòa án không phải thu thập chứng cứ nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án không cần phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về nội dung:

[4.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của Ông Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Q và bà N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre ngày 06/02/2014, theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014 của UBND xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, không cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã qua lại, mâu thuẫn xãy ra liên tục trong thời gian dài,

cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề. Vợ chồng không còn chung sống với nhau nhiều năm nay. Từ khi ly thân đến nay, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, bà N cố tình lẫn tránh, không hợp tác, không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, Ông Q kiên quyết ly hôn, đều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc Ông Q xin ly hôn với bà N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.b] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 09/9/2014. Quá trình giải quyết vụ án Ông Q đề nghị giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì cháu Y đang ở với bà N, do bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tại bản khai của cháu Y muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn và để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Y nên giao cháu Y cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, Ông Q sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà N 7.000.000 đồng/tháng. Xét đây là ý chí tự nguyện của Ông Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4.c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án**.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Văn Q

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn Q được ly hôn với Bà Phan Châu N

- Về con chung: Giao người con chung tên Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 03/9/2014 cho Bà Phan Châu N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Bà Phan Châu N 7.000.000 đồng/tháng, cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

Ông Lê Văn Q có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014251 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Ông Lê Văn Q còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/3/2023). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
-Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Hơn